

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PAMPO VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PAMPO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PAMPO VIET NAM PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110519214

**3. Ngày thành lập:** 24/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 41 Đường Vân Trì, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961394186

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược)                                                                                                                                                                                                                                           | 4649(Chính) |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                         | 4669        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                            | 8299        |
| 6.  | Cổng thông tin<br>Chi tiết:<br>Hoạt động thương mại điện tử<br>- Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (Không bao gồm hoạt động đấu giá)<br>Cung cấp thông tin trên website thương mại điện tử bán hàng<br>Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử<br>(Loại trừ hoạt động báo chí) | 6312        |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Cho thuê xe có động cơ<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                    | 7710 |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)                                                                                                         | 4690 |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                        | 4711 |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                             | 4719 |
| 12. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                   | 1311 |
| 13. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                          | 1312 |
| 14. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                        | 1313 |
| 15. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                        | 1391 |
| 16. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                         | 1392 |
| 17. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                       | 1393 |
| 18. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                              | 1394 |
| 19. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                         | 1399 |
| 20. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                 | 1410 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                               | 1420 |
| 22. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                           | 1430 |
| 23. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                  | 1511 |
| 24. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                 | 1512 |
| 25. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                             | 1520 |
| 26. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                 | 1701 |
| 27. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                            | 1702 |
| 28. | In ấn<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                               | 1811 |
| 29. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                            | 1812 |
| 30. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                      | 1820 |
| 31. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                       | 4782 |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên,-Bán lẻ súng,<br>đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;-Bán lẻ tem và tiền kim<br>khí;) | 4789 |
| 33. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                       | 4791 |
| 34. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                  | 4799 |
| 35. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa<br>hàng chuyên doanh                                                                                             | 4751 |
| 36. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các<br>cửa hàng chuyên doanh                                                                                            | 4771 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, nước thơm;<br>- Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;<br>- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm... | 4772 |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                  | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.600.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM THANH HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036190003346

Ngày cấp: 24/04/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn An Phương, Xã Phương Định, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lại Đà, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THANH HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036190003346

Ngày cấp: 24/04/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn An Phương, Xã Phương Định, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lại Đà, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội